TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG DÂN** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 28-02-2022.
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN - TỈNH BẠC LIÊU

- *Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thuyền

Bà Ngô Hồng Xuân

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Thái Kim Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa:* Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 174/2021/TLST–HNGĐ, ngày 19 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:05/2021/QĐXXST–HNGĐ, ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị L,** sinh năm 1978. Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện H, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Tô Văn Đ,** sinh năm 1976**.** Địa chỉ: ấp L, xã V, huyện H, tỉnh B. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 10 năm 2021 và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, bà Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Tô Văn Đ có tổ chức đám cưới trên tinh thần tự nguyện nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian đầu, vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau khoảng 02 năm cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn Đ.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L xác định trong quá trình chung sống, giữa chị L và anh Đ có 04 người con chung là cháu Tô Văn Nhã, sinh năm

2000; Tô Minh Khánh, sinh năm 2002; Tô Văn Mạnh, sinh ngày 19/5/2006 và Tô Văn Khỏe, sinh ngày 19/5/2006. Hiện tại cháu Nhã và cháu Khánh đã trưởng thành nên chị L không có yêu cầu gì; Đối với cháu Mạnh và cháu Khỏe hiện tại đang sống với chị L nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Mạnh, cháu Khỏe và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tô Văn Đ: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với anh Đ nhưng anh Đ không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với anh Đ được. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định pháp luật cho anh Sử. Chính quyền địa phương xác định: Anh Đ vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã V, huyện H, tỉnh B và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu anh Đ có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình;Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn; Về nội dung: Sau khi phân tích yêu cầu khởi kiện, những quy định của pháp luật, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Tô Văn Đ là vợ chồng. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao các cháu Tô Văn Mạnh, sinh ngày 19/5/2006 và Tô Văn Khỏe, sinh ngày 19/5/2006 cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh Đ được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Tô Văn Đ và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về "Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con" là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Tô Văn Đ có nơi đăng ký thường trú tại ấp L, xã V, huyện H, tỉnh B nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị L. Bị đơn anh Tô Văn Đ vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Tô Văn Đ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Tô Văn Đ, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới hỏi theo phong tục nhưng đến nay anh, chị chưa có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu thì giữa chị L và anh Đ chung sống hạnh phúc nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cải, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại chị L và anh Đ đã ly thân với nhau khoảng 02 năm cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị L yêu cầu xin ly hôn với anh Tô Văn Đ. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng"*. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Tô Văn Đ là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị L xác định giữa chị và anh Đ có 04 người con chung là cháu Tô Văn Nhã, sinh năm 2000; Tô Minh Khánh, sinh năm 2002; Tô Văn Mạnh, sinh ngày 19/5/2006 và Tô Văn Khỏe, sinh ngày 19/5/2006. Hiện tại cháu Nhã và cháu Khánh đã trưởng thành nên chị L không có yêu cầu gì; Đối với cháu Mạnh và cháu Khỏe hiện tại đang sống với chị L nên chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Mạnh, cháu Khỏe và chị không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Mạnh và cháu Khỏe hiện đang sống ổn định với chị L, các cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định. Đồng thời, cháu Mạnh, cháu Khỏe có nguyện vọng theo sống cùng chị L. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao cháu Tô Văn Mạnh, sinh ngày 19/5/2006 và cháu Tô Văn Khỏe, sinh ngày 19/5/2006 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

[8] Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Tô Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Văn Mạnh, sinh ngày 19/5/2006 và cháu Tô Văn Khỏe, sinh ngày 19/5/2006 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị L đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0005914 ngày 18/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Chị Nguyễn Thị L và anh Tô Văn Đ dược quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Tám

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 08 giờ 40 phút, ngày 17 tháng 12 năm 2019, tại: Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Tám

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Thuyền

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 195/2021/TLST-DS ngày12 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp xin ly hôn, nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọt, sinh năm 1988. Nơi đăng kts HKTT: Ấp Ninh Thạnh Đông, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Chỗ ở hiện nay: Ấp Khúc Tréo B, xã Tân Phong, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Ông Chung Hoàng Ân, sinh ngày 16/12/1987. Địa chỉ: Ấp Ninh Thạnh Đông, xã Ninh Thạnh Lợi, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Về điều luật áp dụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 89; Điều 90; Điều 92 và Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình.

Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 và 14 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Kết quả biểu quyết: 3/3

Về nội dung:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọt và ông Chung Hoàng Ân. Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung: Ông Chung Hoàng Ân được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Chung Gia Vỹ, sinh ngày 29/9/2016. Bà Trần Thị Ngọt có quyền thăm nom con chung không ai có quyền ngăn cản. Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọt, phải chịu 3000.000đồng, bà Ngọt đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí ở lai thu số 0005943 ngày 12/11/2021 nay được chuyển thu án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Kết quả biểu quyết:3/3

Biên bản kết thúc hồi……..cùng ngày.

Hội Thẩm Nhân Dân Thẩm Phán

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 12 giờ 00 phút, ngày 14 tháng 8 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọt, phải chịu 3000.000đồng, bà Ngọt đã nộp 300.000đồng tạm ứng án phí ở lai thu số 0005943 ngày 12/11/2021 nay được chuyển thu án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Kết quả biểu quyết:3/3

Biên bản kết thúc hồi……..cùng ngày.

Hội Thẩm Nhân Dân Thẩm Phán